

**TÒA ÁN NHA. DA.
THỊ XÃ HT
TỈNH TN**

Bản án số: 20 /HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2020
V/v Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHA. DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHA. DA. THỊ XÃ HT, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ngọc Hạnh.**

Các Hội thẩm nhA. dA.:

1. Ông **Võ Quang Truyền;**
2. Ông **Võ XuA. Phong.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích VA.** – Thư ký Tòa án nhA. dA. thị xã HT, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhA. dA. thị xã HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Lâm Th. Vi** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhA. dA. thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị Thanh Th.**, sinh năm 1976 – (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 56/7^E, khu phố 4, thị trấn HT (nay là phường LH, thị xã HT), tỉnh TN.

2. *Bị đơn:* Anh **Tăng Văn H**, sinh năm 1972 – (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 56/7^E, khu phố 4, thị trấn HT (nay là phường LH, thị xã HT), tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Thanh Th. trình bày:

Chị và anh H chung sống với nhau từ năm 1995, do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống chị và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhA. do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, anh H thường xuyên về kiếm chuyện cãi vã với chị Th., vợ chồng ly thA. từ năm 2019 đến nay, chị Th. nhận thấy

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân. không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 con tên Tăng Th. Q sinh năm 1996; Tăng Hoài A. sinh năm 1998. Hiện 02 con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Th. trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Th. trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai nợ lại hai vợ chồng.

Tại bản tự khai của bị đơn – anh Tăng Văn H trình bày, thể hiện như sau:

Anh H thống nhất lời trình bày của chị Th. về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, tài sản chung và nợ chung là đúng.

Về con chung: Có 02 con tên Tăng Th. Q sinh năm 1996; Tăng Hoài A. sinh năm 1998. Hiện 02 con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án theo pháp luật tố tụng; người tham gia tố tụng nhân dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng pháp luật. Anh H, chị Th. có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị Th. là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mục đích hôn nhân của chị Th. và anh H không đạt được. Chị Th. yêu cầu ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án để giải quyết. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th..

Về con chung : Có 02 con tên Tăng Th. Q sinh năm 1996; Tăng Hoài A. sinh năm 1998. Hiện 02 con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Th. trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ cho đến khi xét xử, nguyên đơn là chị Phan Thị Thanh Th. và bị đơn là anh Tăng Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị Th., anh H là đúng với quy định tại Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng nhân dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Phan Thị Thanh Th. và anh Tăng Văn H chung sống với nhau từ năm 1995, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1995 tại UBND thị trấn HT (nay là phường LH, thị xã HT), tỉnh TN. Vì vậy, hôn nhA. của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Th. thấy rằng: Chị Th. và anh H chung sống với nhau từ năm 1995 đến năm 2019 thì sống ly thA. cho đến nay. Mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, anh H thường xuyên về kiếm chuyện đánh đập chị Th.. Chị Th. khuyên nhiều lần nhưng anh H không chịu sửa chữa. Trong thời gian sống ly thA. anh, chị cũng không gặp nhau để bàn bạc việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, cả chị Th. và anh H đều không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mục đích hôn nhA. giữa chị Th. và anh H không đạt được, tình trạng hôn nhA. không thể kéo dài, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th. là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhA. và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con tên Tăng Th. Q sinh năm 1996; Tăng Hoài A. sinh năm 1998. Hiện 02 con chung đã thành niên chị Th., anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th., anh H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định: “Nguyên đơn phải chịu án phí dA. sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Trong vụ án này, chị Th. là nguyên đơn, do đó, chị Th. phải chịu án phí theo quy định.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhA. dA. thị xã HT, tỉnh TN là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhA. và gia đình. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Thanh Th. và anh Tăng Văn H.

Chị Phan Thị Thanh Th. được ly hôn với anh Tăng Văn H.

2. Về con chung: Có 02 con tên Tăng Th. Q sinh năm 1996; Tăng Hoài A. sinh năm 1998. Hiện 02 con chung đã thành niên chị Th., anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th., anh H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dA. sự sơ thẩm: Chị Th. phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th. đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai

thu số 0008422 ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dA. sự huyện HT (nay là thị xã HT), tỉnh TN. Ghi nhận chị Th. đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhA. dA. tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thị xã HT;
- Chi cục THADS thị xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

HUỲNH THỊ NGỌC HẠNH